

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/KDTM-PT

Ngày: 06/8/2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH T HOÁ

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Lê T H

Bà Lê Thị Dung

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Dung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T Hoá: Bà Hoàng Phương Lý, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T Hoá xét xử công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 12/2015/TLPT-KDTM ngày 05/10/2015 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2015/ KDTM-ST ngày 11/8/2015 của Tòa án nhân dân TP. T Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2015/QĐ-PT ngày 16/11/2017; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án bị tạm đình chỉ số 40/QĐPT-KDTM ngày 14/10/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam.

Địa chỉ: 18 D, quận T, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K- Chủ tịch HĐQT Ngân hàng N Việt Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái Tr - Phó Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam - chi nhánh T Hóa (theo QĐ số 1845 ngày 07/7/2014).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Văn M - Công ty Luật TNHH N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T Hóa.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T

Địa chỉ: 154 H, PH L, TP. T Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn H (tức Bùi Quốc H) - Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân D

Địa chỉ: Khu phố S, pH T, TP. Sầm Sơn, tỉnh T Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Quốc H - Văn phòng luật sư Lê Quốc H, thuộc đoàn Luật sư tỉnh T Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Ngô Thị Thùy H.

Địa chỉ: 154 H, pH Lam Sơn, TP. T Hóa.

3.2. Ông Trần Lương K và bà Phạm Thị Đ

Địa chỉ: 02/03 Trần Quốc T, pH Điện B, TP. T Hóa.

3.3. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H

Địa chỉ: Lô 47 MBQH 13 xã Đ, TP. T Hóa.

3.4. Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T

Địa chỉ: 15/38 Hàng Th, p Lam S, TP. T Hóa.

3.5. Ủy ban nhân dân thành phố T Hóa

Địa chỉ: Đường Yên Ngựa, pH Hàm Rồng, TP. T Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân K - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường của UBND TP. T Hóa.

3.6. Phòng công chứng số 3 tỉnh T Hóa.

Địa chỉ: Số 16 H, p Tân S. TP. T Hóa.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị V

Địa chỉ: 71 Trần Phú, pH Lam sơn, TP. T Hóa,

Bà V ủy quyền cho ông L tham gia tố tụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L: Ông Nguyễn Hữu L Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T Hóa.

5. Người kháng cáo: Ngân hàng N Việt Nam; ông Trần Lương K, bà Phạm Thị Đ; ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H; ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N Việt Nam- chi nhánh T Hóa (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Công ty THNN T (sau đây viết tắt là Công ty T) đã ký kết các Hợp đồng tín dụng (sau đây viết tắt là HĐTD) sau:

1. HĐTD số 3500-LAV-200906041/HĐTD ngày 30/11/2009, số tiền vay 16.725.500.000đ, mục đích vay: Đầu tư trường dân lập T Hoa, thời hạn vay 18

tháng kể từ ngày 30/11/2009. Công ty T đã trả: 16.720.500.000đ tiền gốc. Còn nợ: 5.000.000đ tiền gốc và tiền lãi quá hạn: 835.762.497đ.

2. HĐTD số 3500-LAV-201004045 ngày 04/10/2010, hạn mức cho vay 18.000.000.000đ, mục đích vay: Vay vốn lưu động phục vụ SXKD gỗ dăm nguyên liệu và xây dựng công trình, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận, được ghi trên từng giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng. Mức lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 14%/ năm. Thực tế giải ngân là 19.622.000.000đ. Vì đây là hợp đồng ngắn hạn, phương thức cho vay là hình thức cấp tín dụng ngắn hạn vay trả nhiều lần, chỉ giới hạn dư nợ, không giới hạn doanh số cho vay, tổng doanh số cho vay trong khoảng thời hạn hạn mức tín dụng có thể lớn gấp nhiều lần số tiền hạn mức tín dụng đã ký. Công ty T đã trả nợ gốc: 2.807.000.000đ. Còn nợ: tiền gốc 16.815.000.000đ, nợ lãi: 17.336.264.439đ (lãi trong hạn: 560.429.024đ, lãi quá hạn: 16.775.835.415đ).

T đến ngày xét xử sơ thẩm (11/8/2015), tổng cộng số tiền Công ty T còn nợ Ngân hàng 34.992.201.936đ gồm: Nợ gốc 16.820.000.000đ. Nợ lãi 18.172.201.936đ (lãi trong hạn: 560.429.024đ; lãi quá hạn: 17.611.772.912đ).

Tài sản thế chấp cho hai HĐTD trên gồm:

1. Nhà đất tại số 51 Hàng Th, P. Lam Sơn, TP. T Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số Y976724 do UBND TP. T Hóa cấp ngày 29/12/2003 cho ông Bùi Quốc H và bà Ngô Thị Thùy H. Theo Hợp đồng thế chấp (sau đây viết tắt là HĐTC) quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TDD02/HĐBĐ ngày 19/8/2010.

2. Nhà đất tại số 154 H, P. Lam Sơn, TP. T Hóa, theo GCNQSDĐ số Y 976923 do UBND TP. T Hóa cấp ngày 16/01/2004 cho ông Bùi Quốc H. Theo HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TĐ01/HĐBĐ ngày 19/8/2010.

3. Nhà và đất tại lô số 47 MBQH số 131 XD/UBTH (Lô 47-A4) xã Đông Hương, TP. T Hóa, theo GCNQSDĐ số Đ409238 do UBND TP. T Hóa cấp ngày 13/5/2004 cho bà Nguyễn Thị H. Theo HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02/BLTĐ/HĐBĐ ngày 17/12/2008.

4. Nhà và đất tại 15/38 Hàng Th, P. Lam Sơn, TP. T Hóa, theo GCNQSDĐ số AK 458397 do UBND TP. T Hóa cấp ngày 15/8/2007 cho ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T. Theo HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TĐ 04/HĐBĐ ngày 22/10/2010.

5. Nhà và đất tại 02/03 Trần Quốc T, P. Điện Biên, TP. T Hóa, theo GCNQSDĐ số 2701040473 do UBND tỉnh T Hóa cấp ngày 23/7/2001 cho ông

Trần Lương K và bà Phạm Thị Đ. Theo HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/BLTĐ/HĐBĐ ngày 17/12/2008.

Ngân hàng yêu cầu Công ty T phải trả toàn bộ số tiền còn nợ: Nợ gốc 16.820.000.000đ. Nợ lãi: 18.172.201.936đ (lãi trong hạn: 560.429.024đ; lãi quá hạn: 17.611.772.912đ). Tổng cộng: 34.992.201.936đ.

Đề nghị kê biên toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để đảm bảo thu hồi nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T trình bày: Thống nhất với Ngân hàng về việc ký kết HĐTD, nội dung trong hợp đồng, cũng như số tiền nợ gốc và lãi của 02 HĐTD. Về tài sản thế chấp, đồng ý yêu cầu của Ngân hàng đối với 05 tài sản thế chấp nêu trên.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Lương K và bà Phạm Thị Đ; ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H: Thừa nhận có ký kết HĐTC bảo đảm cho Công ty T vay vốn của Ngân hàng. Nhưng theo các đương sự tài sản chỉ thế chấp cho HĐTD số 3500-LAV-200906041/HĐTD ngày 30/11/2009, số tiền nợ gốc của HĐ này chỉ còn 5.000.000đ, không thể chấp cho HĐTD 3500-LAV-201004045 ngày 04/10/2010 giữa NHNN và công ty T. Đề nghị xem xét HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01 và số 02/BLTĐ/HĐBĐ ngày 17/12/2008.

Ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T: Thừa nhận có ký kết HĐTC cho Công ty T vay vốn. Đề nghị Công ty T trả nợ cho Ngân hàng để trả lại tài sản cho ông bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị V: Ngày 19/9/2011 ông bà có mua căn nhà đất tại SN 154 H, P. Lam Sơn, TP. T Hóa, theo GCNQSD đất số 2701050337 do UBND tỉnh T Hóa cấp cho ông Bùi Văn H ngày 08/12/2000. Hai bên đã làm hợp đồng chuyển nhượng, có chứng thực tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh T Hóa ngày 20/9/2011.

Ngày 26/02/2015, ông L và bà V có đơn yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án: Hủy GCNQSD đất số Y 976923 do UBND TP. T Hóa cấp cho ông Bùi Văn H ngày 16/01/2004; Hủy HĐTC tài sản số TDD01/HĐBĐ ngày 19/8/2010 do Văn phòng Công chứng số 3 tỉnh T Hóa chứng nhận giữa ông Bùi Văn H, bà Ngô Thị Thùy H với Ngân hàng.

Ý kiến của các đương sự đối với yêu cầu độc lập của ông L, bà V:

- *Ông Bùi Văn H, bà Ngô Thị Thùy H:* GCNQSD đất số Y976923 ngày 16/01/2004 do UBND TP. T Hóa cấp tại SN 154 H, P. Lam Sơn, TP. T Hóa thế chấp tại Ngân hàng ngày 19/8/2010. Còn GCNQSD đất số 2701050337 do UBND tỉnh T Hóa cấp ngày 08/12/2000 tại SN 154 H, P. Lam Sơn, TP. T Hóa, hiện ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị V đang giữ, giữa hai bên có làm thủ tục

mua bán nhà, nhưng thực chất là vợ chồng ông có vay của ông L, bà V 11 tỷ đồng và việc viết giấy bán nhà là điều kiện bắt buộc để vay mượn tiền. Nhưng ông H, bà H không cung cấp được giấy tờ vay mượn tiền.

- *Ngân hàng*: Việc ký kết HĐTC tài sản giữa ông H, bà H với Ngân hàng được thực hiện theo trình tự pháp luật, trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các quy định của pháp luật, đã được công chứng theo quy định, sau khi ký HĐTC đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại VP ĐKQSĐĐ UBND TP. T Hóa.

- *UBND TP. T Hóa*: Nguồn gốc đất tại SN 154 H là của ông Bùi Văn H thừa kế của bố mẹ đẻ là ông Bùi Văn T và bà Trần Thị H theo hợp đồng tặng cho tài sản ngày 24/10/2000. Sau đó, ông H làm thủ tục được UBND tỉnh T Hóa cấp GCNQSĐĐ số 04852 ngày 08/12/2000. Năm 2004 ông H dùng bộ hồ sơ có nội dung giống hồ sơ cấp trích lục năm 2000 để làm thủ tục, ngày 16/01/2004 UBND TP. T Hóa đã cấp GCNQSĐĐ số Y976923 cho ông Bùi Văn H. Căn cứ kết luận T tra số 252/KL-UBND ngày 17/02/2012 của UBND TP. T Hóa và Công văn số 466/CATP ngày 17/4/2012 của Công an TP.T Hóa xác định hồ sơ cấp GCNQSĐĐ số Y 976923 do UBND TP. T Hóa cấp ngày 16/01/2004 là hồ sơ giả mạo. Đến nay, UBND TP. T Hóa chưa thu hồi GCNQSD đất số Y 976923 ngày 16/01/2004 tại SN 154 H, P. Lam sơn, TP. T Hóa và chưa hủy HĐTC tài sản số TDD01/HĐBĐ ngày 19/8/2010 do Văn phòng công chứng số 3 tỉnh T Hóa chứng nhận giữa ông Bùi Văn H, bà Ngô Thị Thùy H với Ngân hàng vì: Hiện chưa có kết luận cuối cùng của cơ quan điều tra và cấp có thẩm quyền về những vi phạm trong việc cấp GCNQSĐĐ cho ông H và ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng.

- *Phòng công chứng số 3 tỉnh T Hóa*: HĐTC số TDD01/HĐBĐ giữa ông Bùi Văn H, bà Ngô Thị Thùy H với Ngân hàng được Phòng công chứng số 3 tỉnh T Hóa chứng nhận ngày 19/8/2010 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 12/2015/ KDTM-ST ngày 11/8/2015 của Tòa án nhân dân TP. T Hóa áp dụng: Điểm m khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 243; khoản 1 Điều 245 BLTTDS. Điều 132; Điều 355; Điều 471; Điều 476 BLDS. Khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 4, 6 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam.

Buộc Công ty TNHH T phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền còn nợ đến ngày 11/8/2015 (ngày xét xử sơ thẩm), theo HĐ tín dụng số 3500-LAV-200906041/HĐTD ngày 30/11/2009 và HĐ tín dụng số 3500-LAV-201004045 ngày 04/10/2010: Nợ gốc: 16.820.000.000đ. Nợ lãi: 18.172.201.936đ (lãi trong

hạn: 560.429.024đ; lãi quá hạn: 17.611.772.912đ). Tổng cộng: 34.992.201.936đ.(Ba tư tỷ chín trăm chín hai triệu hai trăm lẻ một nghìn chín trăm ba sáu đồng).

Công ty TNHH T tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi T toán xong khoản nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên thì Ngân hàng N Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật đảm bảo cho khoản vay của công ty TNHH T, gồm:

- Nhà và đất tại lô số 47 MBQH số 131 XD/UBTH (Lô 47-A4)- xã Đông Hương- TP. T Hóa, theo GCNQSDĐ số Đ409238 do UBND TP. T Hóa cấp ngày 13/5/2004 cho bà Nguyễn Thị H (Theo HĐTC QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 02/BLTĐ/HĐBĐ ngày 17/12/2008).

- Nhà và đất tại 15/38 Hàng Th, P. Lam sơn, TP. T Hóa, theo GCNQSDĐ số AK 458397 do UBND TP. T Hóa cấp ngày 15/8/2007 cho ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T (Theo HĐTC QSD đất và tài sản gắn liền với đất số TĐ 04/HĐBĐ ngày 22/10/2010).

- Nhà và đất tại 02/03 Trần Quốc T, P. Điện Biên, TP. T Hóa, theo GCNQSDĐ số 2701040473 do UBND tỉnh T Hóa cấp ngày 23/7/2001 cho ông Trần Lương K và bà Phạm Thị Đ (Theo HĐTC QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 01/BLTĐ/HĐBĐ ngày 17/12/2008).

Đối với ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị Thùy H: Trong trường hợp Công ty TNHH T không trả được cho Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam thì ông H, bà H có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH T số tiền 6.998.440.378đ.

Giành quyền cho ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị Thùy H khởi kiện Công ty TNHH T đối với số tiền trả nợ thay cho Công ty TNHH T bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Giành quyền cho Ngân hàng N Việt Nam về việc yêu cầu kê biên, phát mại tài sản nhà đất tại SN 51 Hàng Th, P. Lam Sơn, TP. T Hóa (đối với Hợp đồng thế chấp TDD 02/HĐBĐ ngày 19/8/2010) bằng một vụ án khác, trong trường hợp Công ty TNHH T không trả được cho Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam số tiền 6.998.440.378đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Việt Nam về việc kê biên phát mại tài sản đảm bảo nhà đất tại SN 154 H, P. Lam Sơn, TP. T Hóa theo HĐTC TDD01/HĐBĐ ngày 19/8/2010).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị V về việc: Hủy GCNQSD đất số Y 976923 do UBND TP. T Hóa cấp cho ông Bùi Văn H ngày 16/01/2004 và hủy HĐTC tài sản số TDD01/HĐBĐ ngày 19/8/2010 giữa ông Bùi Văn H, bà Ngô Thị Thùy H với Ngân hàng NN và PTNT T Hóa. Buộc Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam xóa thế chấp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, lệ phí; Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 21/8/2015 Ngân hàng kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị V về việc hủy GCNQSD đất số Y 976923 do UBND TP. T Hóa cấp cho ông Bùi Văn H ngày 16/01/2004 và hủy HĐTC tài sản số TDD01/HĐBĐ ngày 19/8/2010; giành quyền cho ông L, bà V khởi kiện tuyên giao dịch vô hiệu hoặc gửi hồ sơ tới cơ quan có thẩm quyền để được giải quyết. Trường hợp Công ty T và những người liên quan không thực hiện nghĩa vụ T toán nợ cho Ngân hàng. Đề nghị tuyên cho Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 154 H và số 51 Hàng Th theo các HĐTC để T toán nợ.

Ngày 22/8/2015, ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T kháng cáo với nội dung: Ông bà ký HĐTC ngày 22/10/2010 nhưng để bảo đảm cho khoản vay theo HĐTD năm 2009; ông bà cho ông Bùi Văn H mượn GCNQSDĐ để bảo đảm cho khoản vay 978.500.000đ và chỉ còn nợ Ngân hàng 5.000.000đ, không đảm bảo cho khoản vay mới này giữa Công ty T với Ngân hàng.

Ngày 24/8/2015, các ông, bà Trần Lương K, Phạm Thị Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã dựa vào 02 bản HĐTC trái pháp luật, buộc các ông bà bán 02 ngôi nhà trả nợ cho ngân hàng, đẩy các ông bà vào tình cảnh vô gia cư. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại 02 HĐTC các ông, bà đã ký với Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng rút một phần kháng cáo; ông Trần Lương K, bà Phạm Thị Đ giữ nguyên kháng cáo; các ông bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H, Phạm Văn T, Trần Thị T có kháng cáo nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của VKSND tỉnh T Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Kháng cáo của Ngân hàng về tài sản thế chấp 51 Hàng Th có căn cứ chấp nhận; kháng cáo của ông K, bà Đ không có cơ sở chấp nhận; những người kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại

phiên tòa được coi là từ bỏ kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng, chấp nhận thỏa thuận của Ngân hàng và Công ty T về tiền gốc, tiền lãi Công ty T phải trả nợ cho Ngân hàng đến thời điểm xét xử phúc thẩm. Đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo Ngân hàng đã rút, và kháng cáo của các ông bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H, Phạm Văn T, Trần Thị T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Các ông, bà Ngô Thị Thùy H; Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H; Phạm Văn T, Trần Thị T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt; Phòng Công chứng số 3 T Hóa có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 của BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Về kháng cáo của các ông, bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị H; Phạm Văn T, Trần Thị T: Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của BLTTDS coi như các đương sự từ bỏ việc kháng cáo, vì vậy HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các đương sự.

[3]. Xét các nội dung kháng cáo của Ngân hàng N Việt Nam:

[3.1]. Về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị V:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng; người đại diện theo ủy quyền của Công ty T trình bày: Trước phiên tòa phúc thẩm, ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị Thùy H đã tự nguyện trả cho Ngân hàng 6.210.600.000đ để trừ vào tiền nợ gốc mà Công ty T còn nợ Ngân hàng và cho ông Bùi Văn H rút 01 tài sản bảo đảm cho Công ty T vay vốn là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 154 H, p Lam Sơn, TP. T Hóa đã được UBND TP. T Hóa cấp GCNQSDĐ số Y 976923 ngày 16/01/2004; theo HĐTC số TĐ01/HĐBĐ ngày 19/8/2010. Do đó, Ngân hàng xin rút nội dung kháng cáo về việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị V. Đồng thời, Ngân hàng và người đại diện theo ủy quyền của Công ty T đề nghị HĐXX phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nội dung: Trừ số tiền gốc ông H và bà H đã T toán vào số tiền gốc mà Công ty T còn nợ của Ngân hàng theo quyết định của bản án sơ thẩm; buộc Công ty T

T toán số tiền gốc và lãi còn lại theo bảng kê tiền nợ gốc, lãi đến ngày 06/8/2018 do Ngân hàng xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể: Nợ gốc 10.469.400.000đ, nợ lãi 29.625.345.396đ; quá trình T toán nợ Công ty T có thể được miễn, giảm tiền lãi theo các quy định của Ngân hàng; trường hợp Công ty T không T toán được nợ Ngân hàng quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản theo các HĐTC.

Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 284 BLTTDS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo Ngân hàng đã rút, đồng thời căn cứ khoản 3 Điều 284 BLTTDS công nhận nội dung các đương sự đã thỏa thuận tại phiên tòa.

[3.2]. Về HĐTC số TDD02/HĐBĐ ngày 19/8/2010 đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 51 Hàng Th, P. Lam Sơn, TP. T Hóa:

Ngân hàng, ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị Thùy H và Công ty T đã ký HĐTC quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 19/8/2010. Theo đó, ông H và bà H đồng ý thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số Y 976724 do UBND TP.T Hóa cấp ngày 29/12/2003, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 17, địa chỉ: Số 51 Hàng Th, p Lam Sơn, TP.T Hóa, diện tích 161,8m²; HĐTC được công chứng cùng ngày tại Phòng Công chứng số 3 T Hóa; tài sản thế chấp được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng Tài nguyên và Môi trường của UBND TP.T Hóa ngày 19/8/2010.

Ngân hàng khởi kiện và đề nghị được xử lý tài sản thế chấp tại số 51 Hàng Th nếu Công ty T không thanh toán được khoản nợ mà ông H và bà H bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T trong HĐTC. Quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà H và Công ty T không phản đối việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp tại số 51 Hàng Th.

Các tài liệu thu thập được thể hiện: UBND TP.T Hóa đã căn cứ vào cùng 01 Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển quyền sử dụng đất lập ngày 02/4/2002 giữa ông Trần Xuân Huệ và ông Bùi Quốc H, bà Ngô Thị Thùy H để cấp cho ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị Thùy H 02 GCNQSDĐ đối với diện tích đất tại số 51 Hàng Th, pH Lam Sơn, TP.T Hóa gồm: GCNQSDĐ số T00552LS/QSDD/3191/QĐ-CT ngày 29/12/2003; GCNQSDĐ số H01560LS/QSDD/4441/QĐ-CT ngày 25/12/2007.

Kết luận số 130/KL-UBND ngày 18/01/2012 của UBND TP.T Hóa T tra việc cấp GCNQSDĐ, xác định: UBND TP.T Hóa cấp GCNQSDĐ (lần 2) số H01560LS/QSDD/4441/QĐ-CT ngày 25/12/2007 cho ông Bùi Quốc H, bà Ngô Thị Thùy H tại số 51 Hàng Th, pH Lam Sơn, TP.T Hóa, diện tích 161,8m² là

không đúng. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục tham mưu đề UBND thành phố thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ nêu trên.

Kết luận số 252/KL-UBND ngày 17/02/2012, UBND TP.T Hóa xác định ông H, bà H đã bán nhà đất tại số 51 Hàng Th cho ông T, bà Hưng theo GCNQSDĐ số H01560LS/QSDD/4441/QĐ-CT ngày 25/12/2007. (nhưng không có tài liệu chứng cứ về việc mua bán).

Văn bản số 1782/UBND-TT ngày 10/8/2012 của UBND TP.T Hóa về việc thực hiện xử lý sau Thanh tra, Chủ tịch UBND TP.T Hóa chỉ đạo Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục trình chủ tịch UBND TP thu hồi GCNQSDĐ số H01560LS/QSDD/4441/QĐ-CT ngày 25/12/2007 cho ông Bùi Quốc H, bà Ngô Thị Thùy H tại số 51 Hàng Th, pH Lam Sơn, TP.T Hóa, diện tích 161,8m².

Biên bản xác minh ngày 20/5/2015 của TAND TP.T Hóa thể hiện: Số nhà 51 Hàng Th, pH Lam Sơn, TP.T Hóa là sở hữu của ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị Thùy H. Hiện nay nhà đất trên thế chấp cho Ngân hàng hoặc bán lại cho ai địa phương không biết, vì không thông báo cho địa phương.

Xét thấy, HĐTC số TDD02/HĐBĐ ngày 19/8/2010 đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 51 Hàng Th, pH Lam Sơn, TP.T Hóa theo GCNQSDĐ số T00552LS/QSDD/3191/QĐ-CT do UBND TP. T Hóa cấp ngày 29/12/2003 được các bên tự nguyện ký kết, được công chứng và đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Bản án sơ thẩm cho rằng năm 2011, ông H, bà H đã bán nhà đất tại số 51 Hàng Th cho người tên T, Th tại số 29 Hàng Th, pH Lam Sơn, TP. T Hóa. Nhưng qua xác minh thì địa phương và các đương sự khác không biết thông tin về việc ông H, bà H chuyển nhượng đất; số nhà 51 Hàng Th vẫn thuộc sở hữu của ông H, bà H; không thu thập được tài liệu nào thể hiện việc chuyển nhượng số nhà 51 Hàng Th theo Kết luận số 252/KL-UBND ngày 17/02/2012 của UBND TP.T Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án ông H, bà H không phản đối việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản số 51 Hàng Th, và không cung cấp thông tin gì về việc ông bà đã chuyển nhượng tài sản số 51 Hàng Th cho người khác. GCNQSDĐ mà ông H, bà H dùng để thế chấp cho Ngân hàng không phải là đối tượng bị đề nghị thu hồi, hủy bỏ theo kết luận của UBND TP.T Hóa. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông H, bà H không cung cấp cho Tòa án tên, địa chỉ của người mua tài sản; Ngân hàng không biết thông tin liên quan đến việc ông H, bà H bán tài sản cho người thứ ba, do đó không thể xác định được tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, nên không thể xem xét tài sản số 51 Hàng Th

trong vụ án vì liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba (người mua tài sản), mà cần giành quyền cho các đương sự trong vụ án khác khi có yêu cầu là chưa chính xác. Bởi lẽ, tại thời điểm ký HĐTC, GCNQSDĐ cấp cho ông H bà H là hợp pháp; không có tài liệu chứng minh việc ông H, bà H đã bán tài sản số 51 Hàng Th cho người khác bằng GCNQSDĐ mà ông H, bà H đã thế chấp cho Ngân hàng; cơ quan có thẩm quyền đã đăng ký giao dịch bảo đảm trên GCNQSDĐ mà ông H, bà H dùng thế chấp; GCNQSDĐ ông H, bà H dùng thế chấp cho Ngân hàng không phải là đối tượng bị Cơ quan có thẩm quyền đề nghị thu hồi. Như vậy, nếu có việc năm 2011 ông H, bà H bán tài sản số 51 Hàng Th cho người khác thì ông H, bà H phải tự chịu trách nhiệm về giao dịch này, không thể buộc Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về giao dịch của ông H, bà H đối với người mua tài sản số 51 Hàng Th theo GCNQSDĐ số H01560LS/QSDD/4441/QĐ-CT cấp ngày 25/12/2007 (nếu có). Do đó, HĐXX có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp tại số 51 Hàng Th, pH Lam Sơn, TP.T Hóa của Ngân hàng trong trường hợp Công ty T không T toán được nợ theo thỏa thuận trong HĐTC.

[4]. Xét kháng cáo của ông bà Trần Lương K, Phạm Thị Đ:

Tại phiên tòa, ông K và bà Đ đề nghị HĐXX xem xét 02 HĐTC mà ông bà và ông T, bà H đã ký với Ngân hàng năm 2008. Nhưng phần kháng cáo của ông T, bà H đã bị đình chỉ xét xử phúc thẩm nên HĐXX chỉ xem xét HĐTC do ông K, bà Đ ký với Ngân hàng, cụ thể:

Ngày 17/12/2008 ông Trần Lương K bà Phạm Thị Đ đã ký HĐTC số 01/BLTĐ/HĐBĐ với Ngân hàng, đồng ý thế chấp nhà đất tại số 02/03 Trần Quốc T, P. Điện Biên, TP. T Hóa để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo tất cả các HĐTD được ký kết, thực hiện của Công ty T với Ngân hàng; dư nợ gốc tối đa được bảo đảm là 897.000.000đ; dư nợ lãi theo số phát sinh thực tế. HĐTC được công chứng ngày 18/8/2008 và được Cơ quan có thẩm quyền đăng ký thế chấp cùng ngày.

Tại phiên tòa, bà Đ thừa nhận bà và ông K đã ký, ghi họ tên vào trang cuối của HĐTC, và Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do Ngân hàng xuất trình, nhưng trên các trang của HĐTC không có chữ ký nháy của người thế chấp, không có dấu giáp lai của Công ty T nên chữ ký của người thế chấp ở phần cuối của HĐTC nêu trên không có giá trị. Tuy nhiên, sau khi ký HĐTC nêu trên, ngày 20/8/2010 ông K, bà Đ đã ký với Ngân hàng Phụ lục hợp đồng số 01 để điều chỉnh nội dung trong HĐTC ngày 17/12/2008 do Công ty T thay đổi thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đồng thời, ngày

23/8/2010 Cơ quan có thẩm quyền đã đăng ký thế chấp theo thông tin sửa đổi trong Phụ lục hợp đồng số 01. Phụ lục hợp đồng số 01 cũng xác định: Các nội dung khác của các HĐTC ngày 17/12/2008 không thay đổi, và Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời của HĐTC. Bà Đ không thừa nhận việc ông bà đã ký vào bản Phụ lục hợp đồng số 01 và Đơn đăng ký thế chấp ngày 20/8/2010, nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm ông bà không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông bà trong các tài liệu nêu trên.

Như vậy, mặc dù ông K bà Đ không ký nháy vào các trang của HĐTC, nhưng sau khi ký HĐTC, các bên tiếp tục ký Phụ lục hợp đồng và thực hiện đăng ký thế chấp theo thông tin của Phụ lục hợp đồng, tại Phụ lục hợp đồng đã xác định các nội dung của HĐTC ngày 17/12/2008 không thay đổi. Do đó, lời nại của ông K bà Đ cho rằng HĐTC ông bà đã ký không có giá trị là không có căn cứ chấp nhận, nên ông bà phải thực hiện việc bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty T với Ngân hàng theo thỏa thuận trong HĐTC đã ký.

Tại phiên tòa, ông K và bà Đ còn cho rằng HĐTC ông bà ký ngày 17/12/2008 chỉ bảo đảm cho các khoản vay trước đó của Công ty T, không đảm bảo cho các HĐTD mà Ngân hàng và Công ty T ký sau ngày 17/12/2008. Nhưng, theo quy định tại khoản 3 Điều 323 của BLDS 2005 thì: “Trường hợp giao dịch bảo đảm được đăng ký theo quy định của pháp luật thì giao dịch bảo đảm đó có giá trị pháp lý đối với người thứ ba, kể từ thời điểm đăng ký”. HĐTC ông bà ký với Ngân hàng ngày 17/12/2008, giao dịch bảo đảm được Cơ quan có thẩm quyền đăng ký ngày 18/12/2008, và có giá trị kể từ ngày 18/12/2008 nên không thể có giá trị bảo đảm cho các HĐTD của Công ty T trước ngày 17/12/2008 như lời nại của ông K và bà Đ. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận lời nại trên.

[5]. Từ những phân tích trên, HĐXX có căn cứ đình chỉ phần kháng cáo Ngân hàng đã rút; đình chỉ phần kháng cáo của ông T, bà H; ông T, bà T; chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng, không chấp nhận kháng cáo của ông K, bà Đ.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về số tiền trả nợ nên xác định lại việc chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền 40.094.745.396đ Công ty T phải trả nợ là: $112.000.000đ + (38.094.745.396 \times 0,1\%) = 150.094.000đ$.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8]. Về án phí phúc thẩm: Cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng các đương sự đã nộp.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 296; Điều 300; khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội. Khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Án lệ số 08/2016/AL công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

QUYẾT ĐỊNH

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo Ngân hàng đã rút đối với GCNQSD đất số Y 976923 do UBND TP. T Hóa cấp cho ông Bùi Văn H ngày 16/01/2004 và HĐTC tài sản số TDD01/HĐBĐ ngày 19/8/2010.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của ông Phạm Văn T, bà Trần Thị T; ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H.

3. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Lương K, bà Phạm Thị Đ.

4. Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng N Việt Nam về quyền được xử lý tài sản bảo đảm theo HĐTC số TDD02/HĐBĐ ngày 19/8/2010 đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 51 Hàng Th, pH. Lam Sơn, TP. T Hóa.

5. Công nhận thỏa thuận về việc T toán nợ của Ngân hàng N Việt Nam với Công ty TNHH T tại phiên tòa phúc thẩm.

6. Sửa bản án sơ thẩm như sau:

[6.1]. Buộc Công ty TNHH T phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền còn nợ đến ngày 06/8/2018 theo Hợp đồng tín dụng số 3500-LAV-200906041/HĐTD ngày 30/11/2009 và Hợp đồng tín dụng số 3500-LAV-201004045 ngày 04/10/2010, gồm: Nợ gốc: 10.469.400.000đ; nợ lãi: 29.625.345.396đ (lãi trong hạn: 19.842.252.938đ; lãi quá hạn: 9.783.092.458đ). Tổng cộng: 40.094.745.396đ (Bốn mươi tỷ, không trăm chín mươi tư triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, ba trăm chín mươi sáu đồng). Quá trình T toán nợ Công ty TNHH T có thể được miễn, giảm tiền lãi theo các quy định của Ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm, nếu Công ty TNHH T không thi hành, hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ gốc thì tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa T toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi T toán xong khoản nợ gốc.

[6.2]. Trường hợp Công ty TNHH T không T toán hoặc T toán không đầy đủ số tiền trên, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp sau để đảm bảo việc thi hành án:

- Tài sản 1: Nhà và đất tại lô số 47 MBQH số 131 XD/UBTH (Lô 47-A4)- xã Đông Hương- TP. T Hóa, theo GCNQSDĐ số Đ409238 do UBND TP. T Hóa cấp ngày 13/5/2004 cho bà Nguyễn Thị H (Theo HĐTC QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 02/BLTĐ/HĐBĐ ngày 17/12/2008).

- Tài sản 2: Nhà và đất tại 15/38 Hàng Th, P. Lam sơn, TP. T Hóa, theo GCNQSDĐ số AK 458397 do UBND TP. T Hóa cấp ngày 15/8/2007 cho ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T (Theo HĐTC QSD đất và tài sản gắn liền với đất số TĐ 04/HĐBĐ ngày 22/10/2010).

- Tài sản 3: Nhà và đất tại 02/03 Trần Quốc T, P. Điện Biên, TP. T Hóa, theo GCNQSDĐ số 2701040473 do UBND tỉnh T Hóa cấp ngày 23/7/2001 cho ông Trần Lương K và bà Phạm Thị Đ (Theo HĐTC QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 01/BLTĐ/HĐBĐ ngày 17/12/2008).

- Tài sản 4: Nhà và đất tại SN 51 Hàng Th, P. Lam Sơn, TP. T Hóa theo GCNQSDĐ số T00552LS/QSDD/3191/QĐ-CT do UBND TP. T Hóa cấp ngày 29/12/2003 cho ông Bùi Văn H và bà Ngô Thị Thùy H (Theo Hợp đồng thế chấp TDD 02/HĐBĐ ngày 19/8/2010).

[6.3]. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị V: Hủy GCNQSD đất số Y 976923 do UBND TP. T Hóa cấp cho ông Bùi Văn H ngày 16/01/2004. Hủy HĐTC tài sản số TDD01/HĐBĐ ngày 19/8/2010 giữa ông Bùi Văn H, bà Ngô Thị Thùy H với Ngân hàng N Việt Nam.

Công nhận việc Ngân hàng N Việt Nam đã trả GCNQSD đất số Y 976923 do UBND TP. T Hóa cấp cho ông Bùi Văn H ngày 16/01/2004 cho ông Bùi Văn H.

[6.4]. Về án phí:

Công ty TNHH T phải chịu 150.094.000đ tiền án phí.

Ngân hàng N Việt Nam được nhận lại 69.300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003059 ngày 25/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. T Hóa.

Ủy ban nhân dân TP. T Hóa phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị V được nhận lại 200.000đ theo Biên lai thu số 0003196 ngày 16/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. T Hóa.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị

đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trả cho:Ngân hàng N Việt Nam 200.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000109 ngày 24/8/2015; ông Trần Lương K, bà Phạm Thị Đ

200.000đ theo Biên lai thu số 0000107 ngày 24/8/2015; ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H 200.000đ theo Biên lai thu số 0000108 ngày 24/8/2015; ông Phạm Văn T, bà Trần Thị T 200.000đ theo Biên lai thu số 0000105 ngày 24/8/2015.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T Hóa;
- Chi cục THADS TP. T Hóa;
- TAND TP. T Hóa;
- Các đương sự; Người BVQ&LIHP;
- Lưu hồ sơ; Lưu Tòa KT;

Đã ký

Lê Thu Hương